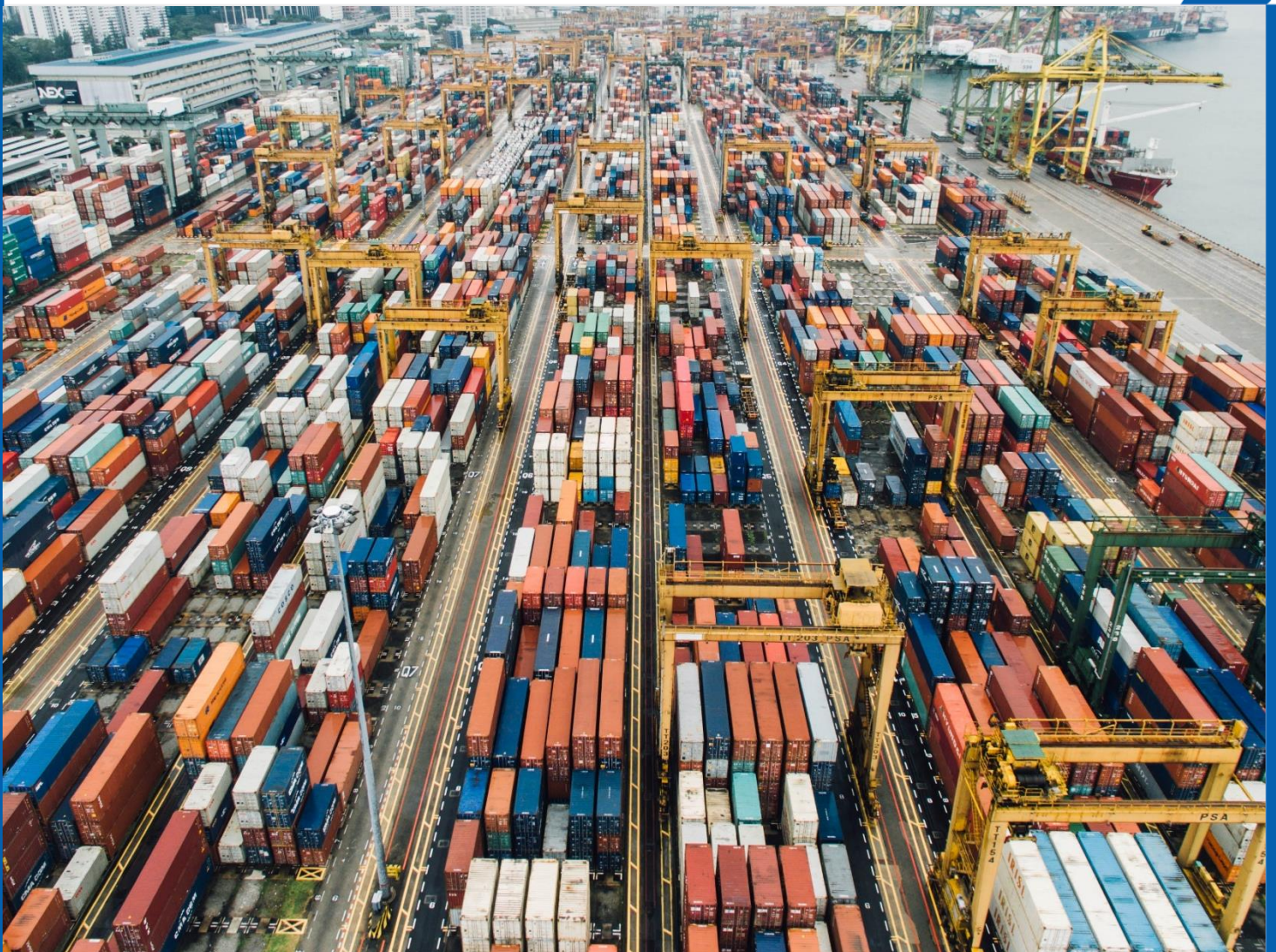


Hội nhập Kinh tế quốc tế

THÁNG 5/2026





M U C L U C

CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT THÁNG 5/2026	1
<i>PHẦN I · THẾ GIỚI</i>	1
Thượng đỉnh Hoa Kỳ - Trung Quốc tại Bắc Kinh.....	1
Nga và Trung Quốc củng cố quan hệ đối tác chiến lược.....	3
WTO tổ chức phiên họp đầu tiên của Ủy ban Trợ cấp Thủy sản.....	4
Hoa Kỳ mở rộng trừng phạt đối với Tập đoàn GAESA của Cuba.....	5
EU công bố Gói Đơn giản hóa Quy định chống phá rừng (EUDR).....	6
<i>PHẦN II · VIỆT NAM</i>	8
Hoa Kỳ chính thức khởi xướng điều tra Mục 301 đối với Việt Nam về sở hữu trí tuệ.....	8
Các nghị sĩ Hoa Kỳ đề nghị điều tra Mục 301 đối với thương mại thủy sản.	10
Thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế.....	11
Ban hành biểu thuế và quy tắc xuất xứ thực thi CEPA Việt Nam - UAE.....	12
Những bước đi mới hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường carbon Việt Nam	13
VCCI công bố Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 và PCI 2025.....	14
VCCI cấp bộ ATA Carnet đầu tiên cho doanh nghiệp Việt Nam.....	15
Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48 tại Cebu, Philippines.....	16
Chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ và Sri Lanka của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.....	17
Chuỗi chuyến thăm Đông Nam Á của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.	18
CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT DỰ KIẾN TRONG THÁNG 6/2026.	19
Hoa Kỳ đề xuất áp thuế bổ sung đối với hàng hóa từ 60 nền kinh tế, trong đó có Việt Nam, liên quan đến lao động cưỡng bức theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974.....	19
Trung Quốc siết quy định đăng ký doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm theo Lệnh 280.....	21
Dự kiến kết thúc đàm phán FTA Việt Nam - EFTA trong tháng 6/2026.....	22
Diễn đàn Tương lai ASEAN 2026 dự kiến tổ chức tại Hà Nội.....	23



CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT THÁNG 5/2026

PHẦN I · THẾ GIỚI

1 | *Thượng đỉnh Hoa Kỳ - Trung Quốc tại Bắc Kinh*

Từ ngày 13-15/5/2026, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc và hội đàm với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Bắc Kinh. Đây là chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên của một Tổng thống Hoa Kỳ trong gần một thập kỷ, đồng thời là cuộc gặp trực tiếp tiếp theo giữa hai nhà lãnh đạo sau cuộc gặp tại Busan, Hàn Quốc, tháng 10/2025. Chuyến thăm có sự tham gia của nhiều quan chức cấp cao và lãnh đạo doanh nghiệp Hoa Kỳ, cho thấy trọng tâm kinh tế - thương mại tiếp tục là nội dung nổi bật trong quan hệ song phương, bên cạnh các vấn đề khác như các xung đột quốc tế hay vấn đề Đài Loan, Trung Quốc.

Kết thúc chuyến thăm, hai bên không đưa ra Tuyên bố chung nào. Thông tin về các kết quả từ chuyến thăm chỉ được biết tới thông qua các phát ngôn, thông cáo mà mỗi bên tự đưa ra sau đó. Từ góc độ thương mại và đầu tư, mặc dù đều nhất trí rằng Hoa Kỳ và Trung Quốc nên xây dựng mối quan hệ mang tính xây dựng và ổn định chiến lược trên cơ sở công bằng và có đi có lại, Hoa Kỳ và Trung Quốc dường như có cách nhìn mạnh khác nhau về các thỏa thuận đã đạt được về thương mại, đầu tư.

Theo Thông cáo của Nhà Trắng ngày 17/5/2026, hai bên đạt được một số kết quả cụ thể trong lĩnh vực nông nghiệp, hàng

không và tiếp cận thị trường. Cụ thể, Trung Quốc cam kết mua tối thiểu 17 tỷ USD nông sản Hoa Kỳ mỗi năm trong giai đoạn 2026-2028, ngoài các cam kết mua đậu tương đã được đưa ra trước đó tại Busan. Trung Quốc cũng khôi phục tiếp cận thị trường cho thịt bò Hoa Kỳ thông qua việc gia hạn danh sách hơn 400 cơ sở chế biến đã hết hiệu lực, đồng thời nói lại nhập khẩu gia cầm từ các bang được xác nhận không có dịch cúm gia cầm. Bên cạnh đó, phía Hoa Kỳ cho biết Trung Quốc đã chấp thuận mua bước đầu khoảng 200 máy bay Boeing. Hai nước cũng nhất trí thiết lập Hội đồng Thương mại và Hội đồng Đầu tư nhằm xử lý các vấn đề về tiếp cận thị trường, mở rộng thương mại hai chiều và thúc đẩy khuôn khổ giảm thuế có đi có lại.

Còn trong cuộc họp báo tại Bắc Kinh ngày 17/5/2026, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị chỉ nêu chung rằng hai bên đã đạt được những kết quả cơ bản là cân bằng và tích cực. Các kết quả mà Ông Vương Nghị đề cập bao gồm việc tiếp tục thực hiện các thỏa thuận đạt được trong các cuộc tham vấn trước đó, thành lập một hội đồng thương mại và một hội đồng đầu tư, giải quyết các mối quan ngại của nhau về việc tiếp cận thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp, và mở rộng thương mại hai chiều trong khuôn khổ giảm thuế đối ứng.



Về các vấn đề quốc tế đang có ảnh hưởng lớn tới thương mại toàn cầu như tình hình Trung Đông hay chiến sự Iran, hai bên cũng có cách thông tin khác nhau. Hoa Kỳ nêu hai bên nhất trí Iran không thể sở hữu vũ khí hạt nhân và không thể thu phí eo biển Hormuz. Trong khi đó, Trung Quốc nhấn mạnh cần giải quyết mọi khác biệt và tranh chấp, kể cả vấn đề hạt nhân, qua đàm phán, và cho rằng giải pháp cơ bản để giải quyết bế tắc ở Hormuz nằm ở một lệnh ngừng bắn lâu dài và toàn diện.

Theo nhiều chuyên gia, kết quả cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Trung lần này cho thấy hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đang nỗ lực thiết lập một trạng thái “ổn định trong

cạnh tranh”, trong đó hợp tác thương mại có chọn lọc được sử dụng để kiểm soát rủi ro leo thang. Các cam kết về ổn định thương mại ở một số mặt hàng thế mạnh và thiết lập cơ chế đối thoại mới góp phần tạo thêm tính dự báo cho quan hệ kinh tế song phương. Dù vậy, chưa có thông tin cho thấy hai bên đạt được đột phá rõ rệt nào ở các vấn đề nhạy cảm như công nghệ, kiểm soát xuất khẩu hay cấu trúc thuế quan tổng thể. Điều này cho thấy quan hệ Mỹ - Trung trong thời gian tới nhiều khả năng tiếp tục vận hành theo hướng vừa đối thoại, vừa cạnh tranh, với thương mại được sử dụng như một công cụ quản lý bất đồng thay vì giải quyết triệt để các khác biệt chiến lược.



2 | Nga và Trung Quốc củng cố quan hệ đối tác chiến lược

Trong hai ngày 19-20/5/2026, Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc và hội đàm với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Bắc Kinh. Chuyến thăm diễn ra ngay sau chuyến thăm của Tổng thống Hoa Kỳ tới Trung Quốc, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn tiếp tục định hình lại môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu. Việc Trung Quốc liên tiếp tiếp đón lãnh đạo Hoa Kỳ và Nga trong cùng tháng cũng cho thấy Bắc Kinh đang nỗ lực thể hiện vai trò trung tâm trong cấu trúc ngoại giao quốc tế đang dịch chuyển.

Sau hội đàm ngày 20/5, hai nhà lãnh đạo đã ký Tuyên bố chung về việc tiếp tục tăng cường phối hợp chiến lược toàn diện và làm sâu sắc quan hệ láng giềng hữu nghị, đồng thời phát hành Tuyên bố về thúc đẩy thế giới đa cực và quan hệ quốc tế kiểu mới.

Hai bên cũng chứng kiến việc ký kết nhiều văn kiện hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, giáo dục, khoa học - công nghệ và giao lưu nhân dân. Chủ tịch Tập Cận Bình đánh giá quan hệ Nga - Trung đang ở mức cao nhất trong lịch sử, trong khi Tổng thống Putin nhấn mạnh quan hệ hai nước đã đạt mức phát triển chưa từng có và không phụ thuộc vào biến động tình hình quốc tế.

Hợp tác kinh tế, đặc biệt là năng lượng, tiếp tục là trụ cột quan trọng trong quan hệ Nga - Trung và là một trọng tâm của chuyến thăm lần này. Hai bên đã chứng kiến lễ ký hơn 40 thỏa thuận cấp chính phủ và doanh nghiệp, trải rộng trên các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, hợp tác công nghiệp và công nghệ hạt nhân. Trên nền

tảng kim ngạch thương mại song phương đạt khoảng 228 tỷ USD năm 2025, hai nhà lãnh đạo cam kết tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác kinh tế, trong đó năng lượng được Tổng thống Putin xác định là "đầu tàu" của hợp tác song phương. Phía Nga cho biết xuất khẩu dầu sang Trung Quốc đã tăng 35% trong quý I/2026, đồng thời phần lớn giao dịch thương mại giữa hai nước hiện được thanh toán bằng đồng rúp và nhân dân tệ, phản ánh tiến trình giảm phụ thuộc vào đồng USD.

Ở góc độ chiến lược, chuyến thăm phản ánh nỗ lực của Nga và Trung Quốc trong việc tăng cường phối hợp trước sức ép từ phương Tây và các biến động địa chính trị toàn cầu. Hai bên tái khẳng định định hướng ủng hộ trật tự thế giới đa cực, thúc đẩy hợp tác trong các cơ chế như BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, đồng thời mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi công nghệ.

Nhìn tổng thể, chuyến thăm cho thấy quan hệ Nga - Trung tiếp tục được củng cố như một trục phối hợp chiến lược quan trọng trong bối cảnh trật tự quốc tế phân mảnh hơn. Tuy nhiên, quan hệ này không chỉ dựa trên sự tương đồng về lập trường chính trị, mà còn chịu chi phối bởi tính toán lợi ích kinh tế cụ thể, đặc biệt trong năng lượng, công nghệ và thương mại. Việc hai bên vừa thúc đẩy hợp tác, vừa xử lý các khác biệt về lợi ích trong các dự án lớn cho thấy quan hệ Nga - Trung Quốc đang vận hành theo hướng thực dụng, có chọn lọc và ngày càng gắn với quá trình tái định hình các cấu trúc kinh tế - chính trị ngoài phương Tây.



Ngày 1/5/2026, các thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tổ chức phiên họp thường kỳ đầu tiên của Ủy ban Trợ cấp Thủy sản (Committee on Fisheries Subsidies) tại Geneva, đánh dấu bước triển khai quan trọng trong quá trình thực thi Hiệp định Trợ cấp Thủy sản. Đây là cơ chế giám sát việc thực hiện Hiệp định - văn kiện đa phương đầu tiên của WTO đặt trọng tâm vào mục tiêu bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững ngành thủy sản, đồng thời là thỏa thuận đa phương thứ hai đạt được tại WTO kể từ khi tổ chức này được thành lập.

Tại phiên họp, các thành viên đã thông qua một số quyết định nền tảng về cơ chế vận hành của Ủy ban, bao gồm quy chế thủ tục, mẫu chương trình nghị sự dự thảo có chú giải và quyết định về việc nộp thông báo điện tử. Ủy ban cũng trao quy chế quan sát viên thường trực cho Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO). Theo cơ chế minh bạch của Hiệp định, các thành viên có nghĩa vụ thông báo về các chương trình trợ cấp thủy sản, danh sách tàu và đối tượng bị xác định có hành vi khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), cũng như thông tin về

tình trạng nguồn lợi và các biện pháp bảo tồn liên quan.

Hiệp định Trợ cấp Thủy sản được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 12 (MC12) năm 2022 sau hơn hai thập kỷ đàm phán, với nội dung cốt lõi là loại bỏ các hình thức trợ cấp có hại nhất, bao gồm trợ cấp cho hoạt động IUU, trợ cấp cho hoạt động đánh bắt liên quan tới nguồn lợi bị khai thác quá mức, và trợ cấp cho hoạt động đánh bắt tại khu vực ngoài quyền tài phán của quốc gia ven biển và ngoài phạm vi quản lý của tổ chức/dàn xếp quản lý nghề cá khu vực liên quan (RFMO/A). Hiệp định có hiệu lực từ ngày 15/9/2025 sau khi đạt ngưỡng 2/3 thành viên WTO chấp nhận; theo WTO, tính đến đầu tháng 5/2026 đã có 119 thành viên chính thức chấp nhận Hiệp định.

Đối với Việt Nam, việc Ủy ban đi vào hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh Việt Nam đã hoàn tất thủ tục chấp nhận Hiệp định và đang tiếp tục nỗ lực chống khai thác IUU, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, củng cố khả năng tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao về phát triển bền vững như EU, đồng thời thúc đẩy ngành thủy sản chuyển dịch theo hướng hiện đại và bền vững hơn.



Ngày 7/5/2026, Hoa Kỳ công bố các biện pháp trừng phạt mới đối với Tập đoàn Quản lý Doanh nghiệp S.A. (Grupo de Administración Empresarial S.A. - GAESA) của Cuba theo Sắc lệnh Hành pháp số 14404 ký ngày 1/5/2026. GAESA là tập đoàn do Lực lượng Vũ trang Cách mạng Cuba kiểm soát, có vai trò lớn trong nhiều lĩnh vực tạo nguồn thu ngoại tệ của nền kinh tế Cuba như du lịch, khách sạn, cảng biển, logistics, bán lẻ, tài chính, bất động sản và phân phối ngoại tệ.

Điểm đáng chú ý của đợt trừng phạt lần này là Sắc lệnh 14404 mở rộng cơ sở pháp lý để Hoa Kỳ áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản hoặc hạn chế giao dịch đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động trong một số lĩnh vực nhạy cảm của nền kinh tế Cuba, như năng lượng, quốc phòng, kim loại - khai khoáng, dịch vụ tài chính và an ninh; hoặc có hành động hỗ trợ Chính phủ Cuba và các đối tượng bị chỉ định. Vì vậy, Sắc lệnh lần này có thể ảnh hưởng trực tiếp tới doanh nghiệp nước thứ ba nếu có giao dịch liên quan tới GAESA, các thực thể do GAESA sở hữu, kiểm soát hoặc các lĩnh vực bị coi là nhạy cảm.

Tác động của biện pháp mới có thể vượt ra ngoài phạm vi pháp lý trực tiếp, do GAESA

hiện diện sâu trong nhiều hạ tầng và dịch vụ thiết yếu của Cuba. Việc tập đoàn này bị siết trừng phạt có thể làm gia tăng tâm lý thận trọng của ngân hàng, doanh nghiệp logistics, bảo hiểm, vận tải và nhà đầu tư nước ngoài khi xử lý giao dịch liên quan đến Cuba.

Đối với Việt Nam, diễn biến này cần được theo dõi sát do Việt Nam hiện là một trong những nhà đầu tư châu Á nổi bật tại Cuba, với các dự án trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, hạ tầng khu công nghiệp, hàng tiêu dùng, nông nghiệp và năng lượng. Đáng chú ý là Khu công nghiệp ViMariel do Viglacera đầu tư trong Đặc khu Phát triển Mariel. Ngay cả khi các dự án Việt Nam không trực tiếp thuộc đối tượng bị chỉ định, rủi ro vẫn có thể phát sinh gián tiếp thông qua ngân hàng trung gian, đối tác logistics, bảo hiểm, dịch vụ cảng, dòng thanh toán hoặc các chủ thể có liên hệ với hệ thống doanh nghiệp do GAESA kiểm soát. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động hoặc dự kiến đầu tư tại Cuba cần rà soát kỹ cấu trúc đối tác, dòng tiền, tuyến thanh toán và các nhà cung cấp dịch vụ liên quan để hạn chế rủi ro tuân thủ trong môi trường trừng phạt ngày càng phức tạp.



Ngày 4/5/2026, Ủy ban châu Âu (EC) công bố Gói đơn giản hóa Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EU Deforestation Regulation - EUDR). Đây là kết quả của hoạt động rà soát sau 02 năm ban hành EUDR mà cơ quan này thực hiện, và cũng là bước điều chỉnh quan trọng trước thời điểm Quy định bắt đầu được áp dụng với các doanh nghiệp (dự kiến từ 30/12/2026). Gói biện pháp bao gồm một Báo cáo rà soát đơn giản hóa, tài liệu Hướng dẫn và bộ Câu hỏi thường gặp (FAQs) cập nhật, một Dự thảo đề xuất sửa đổi phạm vi các sản phẩm thuộc diện điều chỉnh của EUDR, cùng với các Cập nhật Hệ thống thông tin EUDR. Theo EC, các biện pháp đơn giản hóa hiện có (theo các lần sửa đổi vào cuối năm 2024 và cuối năm 2025) và mới được bổ sung (trong Gói đơn giản hóa này) có thể giúp giảm khoảng 75% chi phí tuân thủ hằng năm so với khuôn khổ ban đầu, nhưng không làm thay đổi các nghĩa vụ cốt lõi về thẩm định chuỗi cung ứng của các chủ thể bị điều chỉnh (gồm các tổ chức, cá nhân ở EU kinh doanh các sản phẩm thuộc diện điều chỉnh của EUDR, trong đó có các nhà nhập khẩu EU mua hàng từ Việt Nam).

Theo lộ trình hiện hành, các chủ thể bị điều chỉnh có quy mô lớn và vừa phải thực hiện các nghĩa vụ EUDR từ ngày 30/12/2026, trong khi đơn vị quy mô siêu nhỏ và nhỏ bắt đầu áp dụng từ ngày 30/6/2027.

Nội dung cốt lõi của EUDR là một số sản phẩm cụ thể thuộc 07 nhóm hàng hóa (gồm gia súc, gỗ, ca cao, đậu tương, dầu cọ, cà phê và cao su) chỉ có thể đưa vào thị trường

EU hoặc xuất khẩu khỏi EU khi đáp ứng đồng thời ba điều kiện: không gây mất rừng, được sản xuất hợp pháp tại nước sản xuất và có Tuyên bố thẩm định phù hợp.

Gói đơn giản hóa lần này tập trung làm rõ nghĩa vụ của các chủ thể ở khâu hạ nguồn ở EU, cho phép đơn giản hóa một số hình thức khai báo, điều chỉnh phạm vi sản phẩm và nâng cấp hệ thống thông tin để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Do đó, hầu như không có tác động nào đối với các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất, xuất khẩu hàng hóa thuộc diện điều chỉnh của EUDR sang EU.

Đối với Việt Nam, EUDR có tác động trực tiếp tới nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang EU, đặc biệt là cà phê, gỗ và cao su. Việc Việt Nam được EC xếp vào nhóm quốc gia rủi ro thấp là một lợi thế tương đối, do hàng hóa có nguồn gốc từ nhóm nước này có thể được hưởng một số nghĩa vụ khai báo, thẩm định giảm lược hơn so với hàng từ nhóm nước rủi ro hoặc rủi ro cao. Tuy nhiên, phân loại rủi ro thấp không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp nhập khẩu EU được miễn nghĩa vụ tuân thủ EUDR. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam liên quan vẫn phải tham gia vào việc chứng minh sản phẩm xuất khẩu thỏa mãn các yêu cầu cốt lõi của EUDR, đặc biệt là bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc, xác định tọa độ địa lý và chứng minh sản phẩm không liên quan đến mất rừng sau ngày 31/12/2020.



Ở trong nước, các cơ quan quản lý đã bắt đầu xây dựng khuôn khổ thích ứng, trong đó có kế hoạch hành động của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về thực hiện EUDR trong lĩnh vực lâm nghiệp, với trọng tâm là hoàn thiện bản đồ ranh giới rừng và cơ sở dữ liệu lâm nghiệp cấp tỉnh trước cuối năm 2026. Đây là nền tảng quan trọng để hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu truy xuất và định vị địa lý của EU, nhất là trong bối cảnh sản xuất nông - lâm nghiệp của Việt Nam còn phân tán, có nhiều tầng nấc trung gian và phụ thuộc lớn vào hộ sản xuất nhỏ.

Nhìn tổng thể, việc EU công bố gói đơn giản hóa cho thấy EUDR đang bước vào giai đoạn chuẩn bị thực thi thực chất, thay vì tiếp tục thảo luận về việc gia hạn thời điểm áp dụng hoặc thay đổi căn bản các nghĩa vụ trong EUDR. Đối với doanh

nh nghiệp Việt Nam liên quan, đây vừa là thách thức tuân thủ, vừa là sức ép hợp lý để tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo hướng minh bạch và bền vững hơn.

Trong thời gian qua, các kênh thông tin của VCCI, đặc biệt là Phòng WTO và Hội nhập - Ban Pháp chế, đã góp phần phổ biến, hệ thống hóa các cập nhật liên quan đến EUDR, giúp doanh nghiệp dễ theo dõi hơn các yêu cầu mới của EU và chuẩn bị hiệu quả hơn cho quá trình tuân thủ. Nếu tận dụng tốt vị thế rủi ro thấp, kết hợp với hệ thống dữ liệu đáng tin cậy và năng lực chứng minh nguồn gốc, các ngành cà phê, gỗ và cao su của Việt Nam có thể duy trì lợi thế tại thị trường EU, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn “thương mại xanh” đang ngày càng phổ biến tại các thị trường nhập khẩu lớn.



1

Hoa Kỳ chính thức khởi xướng điều tra Mục 301 đối với Việt Nam về sở hữu trí tuệ

Sau khi xác định Việt Nam là Quốc gia nước ngoài ưu tiên (Priority Foreign Country – PFC) trong Báo cáo Đặc biệt 301 năm 2026 công bố cuối tháng 4 vừa qua, ngày 29/5 Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) đã ra quyết định khởi xướng điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974 đối với Việt Nam. Theo thông cáo của USTR, cuộc điều tra sẽ xem xét liệu việc Việt Nam chậm giải quyết các quan ngại tồn đọng lâu dài về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ có phải là hành vi bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử, gây cản trở hoặc hạn chế thương mại của Hoa Kỳ hay không.

Về quy trình, đây là cuộc điều tra theo Mục 301 Đạo luật Thương mại với quy định rõ ràng về trình tự và các thời hạn điều tra liên quan. Cùng với Thông báo khởi xướng điều tra, USTR mở cổng tiếp nhận bình luận công khai (<https://comments.ustr.gov/s/>) từ các bên liên quan và đề nghị tham vấn với Chính phủ Việt Nam theo Mục 303(a) của Đạo luật Thương mại (do phạm vi điều tra không liên quan đến hiệp định thương mại nào giữa hai bên nên có cơ chế giải quyết tranh chấp chính thức nào được áp dụng). Theo quy định, các bên quan tâm cần gửi bình luận bằng văn bản qua cổng điện tử của USTR muộn nhất vào 23h59 ngày 2/7/2026 để được xem xét. USTR sẽ đưa ra kết luận điều tra và đề xuất biện pháp xử lý

(nếu có) trong tối đa 6 tháng kể từ ngày khởi xướng (có thể gia hạn thêm 3 tháng). Nếu kết quả điều tra xác định có hành vi bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử gây cản trở thương mại Hoa Kỳ, USTR sẽ đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp để trình Tổng thống ra quyết định, bao gồm cả biện pháp thuế quan và phi thuế quan.

Trước diễn biến này, Việt Nam đã có phản ứng chính thức trên tinh thần hợp tác, xây dựng. Ngày 30/5/2026, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Phạm Thu Hằng khẳng định tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ là chủ trương nhất quán của Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh việc USTR khởi xướng điều tra là thủ tục theo pháp luật Hoa Kỳ; các vấn đề liên quan sẽ tiếp tục được xem xét trên cơ sở trao đổi, tham vấn giữa hai bên trong quá trình điều tra. Việt Nam sẵn sàng tiếp tục tham vấn, chia sẻ thông tin, làm rõ các chính sách, quy định và biện pháp đang và sẽ triển khai, đồng thời đề nghị phía Hoa Kỳ đánh giá khách quan, công bằng, ghi nhận đầy đủ những nỗ lực và kết quả thực chất của Việt Nam, trên tinh thần phù hợp với quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ.



Trên thực tế, bên cạnh các nỗ lực quan trọng trong cải thiện pháp luật và thực thi về sở hữu trí tuệ trong những năm gần đây theo các cam kết tiêu chuẩn cao tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP hay EVFTA, chỉ tính trong tháng 5/2026, Việt Nam đã triển khai một chiến dịch tổng thể để rà soát bảo đảm thực thi chặt chẽ các quy định về sở hữu trí tuệ. Cụ thể, ngày 5/5, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 38/CĐ-TTg chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn quốc, với đợt cao điểm từ ngày 7 đến 30/5 và chỉ tiêu tăng ít nhất 20% số vụ xử lý. Ngày 15/5, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (C03) đã khởi tố 5 vụ án hình sự theo Điều 225 Bộ luật Hình sự – bước đi nhằm bổ khuyết điểm yếu về chế tài hình sự mà USTR nêu.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có các cuộc tiếp xúc cấp cao với phía Hoa Kỳ tại Hà Nội khi Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang và Thủ tướng Lê Minh Hưng lần lượt tiếp đoàn USTR do Phó Đại diện Thương mại Rick Switzer dẫn đầu ngày 19–20/5, trong đó vấn đề sở hữu trí tuệ là trọng tâm trao đổi.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, Phòng WTO và Hội nhập – Ban Pháp chế VCCI cho rằng đây là thời điểm để doanh nghiệp rà soát toàn diện việc tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, đặc biệt với các doanh nghiệp có thị trường, đối tác hoặc

chuỗi cung ứng gắn chặt với Hoa Kỳ. Trọng tâm rà soát nên hướng vào các vấn đề về tính hợp pháp của phần mềm đang sử dụng; việc sử dụng hình ảnh, nhãn hiệu, bao bì, mẫu mã, nội dung quảng bá; nguồn gốc và quyền sử dụng hợp pháp đối với dữ liệu, thiết kế, tài liệu kỹ thuật và tác phẩm số. Đối với doanh nghiệp nền tảng số, thương mại điện tử và hạ tầng trung gian, cần củng cố quy trình kiểm duyệt người bán và xử lý phản ánh xâm phạm; với doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ, cần đẩy mạnh số hóa hồ sơ và nâng cao khả năng truy xuất trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Trong giai đoạn điều tra sắp tới, vai trò chủ động của doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là qua kênh gửi bình luận tới USTR trước ngày 2/7/2026. Việc làm rõ những chuyển biến tích cực trong thực tiễn tuân thủ của doanh nghiệp, cùng các cải cách pháp lý và nỗ lực thực thi của cơ quan nhà nước Việt Nam, sẽ giúp quá trình đánh giá của phía Hoa Kỳ phản ánh đầy đủ hơn bức tranh thực tế.

Nhìn xa hơn, diễn biến này một lần nữa cho thấy cần coi sở hữu trí tuệ như một cấu phần của quản trị hiện đại và năng lực cạnh tranh dài hạn của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. VCCI sẽ tiếp tục theo dõi sát, phối hợp với các cơ quan, hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp để cập nhật thông tin, tổng hợp kiến nghị và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình ứng phó.



Các nghị sĩ Hoa Kỳ đề nghị điều tra Mục 301 đối với thương mại thủy sản

Ngày 11/5/2026, nhóm 20 nghị sĩ lưỡng đảng tại Hạ viện Hoa Kỳ, do Hạ nghị sĩ Troy Carter và Hạ nghị sĩ Clay Higgins của bang Louisiana dẫn đầu, đã gửi thư tới Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Jamieson Greer, đề nghị USTR khởi xướng điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974 đối với các hành vi, chính sách và thực tiễn bị cho là không công bằng trong thương mại thủy sản của nhiều đối tác nước ngoài. Động thái này diễn ra trong bối cảnh Hoa Kỳ tăng cường sử dụng các công cụ điều tra thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đồng thời phù hợp với định hướng khôi phục năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản Hoa Kỳ.

Theo nội dung thư, các nghị sĩ đề nghị USTR xem xét chuỗi cung ứng thủy sản từ nhiều thị trường, như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Ecuador, Canada, Na Uy, Nhật Bản..., trong đó có Việt Nam. Phạm vi đề xuất điều tra không chỉ dừng ở trợ cấp nghề cá hay khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), mà còn mở rộng sang các vấn đề như ghi nhãn sai chủng loài, sử dụng kháng sinh và chất diệt nấm bị cấm trong nuôi trồng thủy sản, trợ cấp sản xuất - xuất khẩu, tác động môi trường, dư thừa công suất, tiêu chuẩn lao động và tiêu chuẩn ngư cụ.

Hiện đây mới là đề nghị từ phía các nghị sĩ, việc có chính thức mở điều tra hay không thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của USTR.

Mặc dù vậy, đối với Việt Nam, diễn biến này cần được theo dõi sát do Hoa Kỳ là thị trường quan trọng đối với các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực, đặc biệt là tôm và cá tra. Với việc Việt Nam bị nêu tên trong thư, ngành xuất khẩu thủy sản của chúng ta lại đứng trước nguy cơ mới ở Hoa Kỳ, bên cạnh các biện pháp phòng vệ thương mại đã phải đối mặt nhiều năm qua.

Trong bối cảnh thị trường Hoa Kỳ đang sử dụng ngày càng nhiều hơn các công cụ chính sách đơn phương, để kinh doanh bền vững ở thị trường lớn nhưng phức tạp này, ngành thủy sản nói riêng và các ngành hàng nông sản thực phẩm nói chung cần luôn bảo đảm minh bạch chuỗi cung ứng, tuân thủ và lưu giữ bằng chứng tuân thủ các quy định về dư lượng kháng sinh, quy trình nuôi trồng - chế biến, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn lao động... của thị trường xuất khẩu, nhằm sẵn sàng tự bảo vệ trước các rủi ro bị điều tra theo Mục 301 hay các quy định tương tự của thị trường này.



Thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế

Ngày 18/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Túc ký Quyết định số 883/QĐ-TTg về việc thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế. Theo Quyết định, Đoàn đàm phán có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương trong công tác đàm phán, ký kết, phối hợp phê chuẩn, phê duyệt và thực thi các điều ước, thỏa thuận quốc tế về kinh tế và thương mại của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, bao gồm cả các cơ chế đa biên, đa phương, song phương (như WTO, APEC, ASEM, ASEAN, các FTA...).

Về tổ chức của Đoàn, Bộ trưởng Bộ Công Thương được giao làm Trưởng đoàn; thành viên Đoàn gồm đại diện lãnh đạo nhiều bộ, ngành liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bộ Công Thương là cơ quan thường trực của Đoàn.

Về nhiệm vụ, Đoàn đàm phán Chính phủ có trách nhiệm (i) xây dựng các chủ trương, chiến lược đàm phán; (ii) trực tiếp triển khai công tác đàm phán, (iii) phối hợp theo dõi, đánh giá quá trình thực thi các điều ước, thỏa thuận thương mại, và (iv) đại diện Việt Nam tham gia các hoạt động tại các thiết chế thành lập từ các điều ước, thỏa thuận thương mại quốc tế (các ủy ban, ban thư ký, cơ quan thường trực...). Đáng chú ý, theo Quyết định này, Đoàn đàm phán có nhiệm vụ tổ chức tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng liên quan đối với các nội dung đàm phán, trên cơ sở đánh giá tác động, cơ hội, thách thức và rủi ro đối với nền kinh tế.

Việc thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ diễn ra trong bối cảnh môi trường thương mại quốc tế biến động nhanh, các công cụ thuế quan, điều tra thương mại và tiêu chuẩn phi thuế quan được sử dụng ngày càng thường xuyên ở nhiều thị trường. Vì vậy, việc củng cố đầu mối điều phối liên ngành được kỳ vọng giúp nâng cao tính thống nhất trong chuẩn bị và triển khai đàm phán, đồng thời giúp Việt Nam phản ứng linh hoạt hơn trước các thay đổi chính sách của đối tác.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, việc Quyết định tiếp tục nhấn mạnh từ góc độ Đoàn đàm phán cơ chế tham vấn cộng đồng doanh nghiệp đối với các đàm phán mở cửa thương mại vốn đã thiết lập từ Quyết định 06/2012/QĐ-TTg ngày 20/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 06) là nội dung rất đáng chú ý. Trong thực tiễn, trong nhiều năm qua, thực hiện Quyết định 06, thông qua các hoạt động của VCCI với vai trò là đại diện quốc gia cho cộng đồng doanh nghiệp, đầu mối tập hợp các hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp đã tham gia và có tiếng nói, đóng góp tích cực và hiệu quả vào quá trình đàm phán, thực thi hầu như tất cả các thỏa thuận, điều ước quốc tế về thương mại và đầu tư, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như TPP-CPTPP, EVFTA, RCEP... Cơ chế tham vấn doanh nghiệp nêu trong Quyết định mới này là sự ghi nhận của Chính phủ đối với hiệu quả các hoạt động tham vấn doanh nghiệp thời gian qua, đồng thời cũng thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục có tiếng nói hiệu quả hơn vào quá trình đàm phán và thực thi các cam kết thương mại – đầu tư quốc tế trong bối cảnh mới hiện nay.



Ngày 05/5/2026, Việt Nam đã ban hành hai văn bản có ý nghĩa thiết thực nhằm triển khai trên thực tế các cam kết thuế quan trong Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện giữa Việt Nam và Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA) vốn có hiệu lực từ ngày 03/02/2026. Cụ thể, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2026/NĐ-CP quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện CEPA giai đoạn 2026-2027; cùng ngày, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 24/2026/TT-BCT quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định.

Nghị định số 143/2026/NĐ-CP xác định các mức thuế suất ưu đãi CEPA cho hai giai đoạn: từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 31/12/2026 và từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2027. Hàng hóa nhập khẩu muốn được hưởng thuế suất ưu đãi CEPA phải thuộc Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định này, được nhập khẩu từ UAE vào Việt Nam, đồng thời đáp ứng quy định về xuất xứ và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo Hiệp định.

Do được ban hành và có hiệu lực muộn hơn thời điểm CEPA có hiệu lực, Nghị định cho phép xử lý tiền thuế nộp thừa đối với các tờ khai hải quan đã đăng ký từ ngày CEPA có hiệu lực đến trước ngày Nghị định có hiệu lực nếu hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi CEPA theo Nghị định này.

Về quy tắc xuất xứ, Thông tư số 24/2026/TT-BCT quy định các cơ chế chứng nhận tương đối linh hoạt, bao gồm cơ chế cấp Giấy chứng nhận (C/O) mẫu UAE-VN bởi cơ quan có thẩm quyền, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện, và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với lô hàng

có trị giá không quá 500 USD. Các phụ lục kèm theo Thông tư quy định quy tắc cụ thể mặt hàng, mẫu C/O UAE-VN và mẫu khai báo xuất xứ tương ứng. Đây là nội dung có ý nghĩa thực tiễn lớn, bởi việc đáp ứng đúng quy tắc xuất xứ sẽ quyết định khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan của doanh nghiệp trong quá trình xuất nhập khẩu.

Đối với Việt Nam, việc hoàn thiện khung pháp lý thực thi các cam kết thuế quan trong CEPA có ý nghĩa quan trọng, mở ra địa mới để hàng hóa Việt Nam tiếp cận sâu hơn thị trường UAE và khu vực Trung Đông - châu Phi thông qua cơ chế ưu đãi thuế quan đặc biệt. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, CEPA có thể trở thành một công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống và mở rộng hiện diện tại khu vực này. Tuy nhiên, ưu đãi thuế quan CEPA chỉ phát huy hiệu quả nếu doanh nghiệp chủ động rà soát mã HS, chuẩn bị hồ sơ xuất xứ, kiểm soát chuỗi cung ứng và đáp ứng các tiêu chuẩn riêng của thị trường UAE (đặc biệt là các tiêu chuẩn Halal). Với vai trò cầu nối giữa chính sách và doanh nghiệp, VCCI đã và sẽ tiếp tục các hoạt động phổ biến cam kết CEPA, hướng dẫn doanh nghiệp đáp ứng các quy tắc xuất xứ, từ đó tận dụng ưu đãi thuế quan CEPA và phản ánh kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi Hiệp định.

Doanh nghiệp có thể tham khảo thêm thông tin về CEPA tại Chuyên trang của Phòng WTO và Hội nhập, Ban Pháp chế - VCCI theo link: <https://trungtamwto.vn/fta/482-viet-nam--uae-cepa/1>



Tháng 5/2026 ghi nhận thêm những bước đi mới trong tiến trình hình thành thị trường carbon tại Việt Nam. Ngày 12/5/2026, Thông tư số 48/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon trên sàn giao dịch carbon trong nước chính thức có hiệu lực. Cùng với đó, ngày 19/5/2026, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon bắt đầu có hiệu lực. Hai văn bản này bổ sung các mảnh ghép quan trọng cho khung pháp lý đã được thiết lập trước đó theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Nghị định 119/2025/NĐ-CP và Nghị định 29/2026/NĐ-CP về sàn giao dịch carbon trong nước.

Ở thị trường trong nước, Thông tư 48/2026/TT-BTC quy định nguyên tắc, nội dung và phương thức giám sát giao dịch trên sàn carbon; đồng thời xác lập chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cách tiếp cận này cho thấy hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon sẽ được quản lý theo hướng tương đồng với thị trường tài chính, trong đó yêu cầu minh bạch thông tin, giám sát giao dịch bất thường và phòng ngừa thao túng giá là những yếu tố then chốt.

Từ góc độ quốc tế, Nghị định 112/2026/NĐ-CP tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động trao đổi quốc tế kết quả giảm phát thải và tín chỉ carbon, qua đó mở đường cho việc kết nối

thị trường carbon trong nước với các cơ chế hợp tác quốc tế phù hợp với mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Có thể thấy thị trường carbon Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn thiết kế chính sách sang giai đoạn chuẩn bị vận hành thực chất. Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp phát thải lớn trong các lĩnh vực như nhiệt điện, xi măng, sắt thép, hóa chất và sản xuất công nghiệp cần khẩn trương hoàn thiện hệ thống kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) và chuẩn bị năng lực quản trị hạn ngạch phát thải. Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp trong các lĩnh vực có tiềm năng tạo tín chỉ như lâm nghiệp, nông nghiệp, năng lượng tái tạo và các dự án giảm phát thải có thể tìm kiếm thêm cơ hội thương mại hóa kết quả giảm phát thải, nhất là khi Nghị định 180/2026/NĐ-CP về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng sẽ có hiệu lực từ tháng 7/2026.

Về tổng thể, việc hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường carbon không chỉ phục vụ mục tiêu Net Zero 2050 của Việt Nam, mà còn gắn trực tiếp với năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh các thị trường nhập khẩu lớn ngày càng siết chặt tiêu chuẩn môi trường, đặc biệt là cơ chế định giá carbon và Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU. Doanh nghiệp Việt Nam, nhất là trong các lĩnh vực liên quan, cần nhìn nhận carbon như một yếu tố chi phí và tài sản mới trong quản trị sản xuất - xuất khẩu, thay vì chỉ là yêu cầu tuân thủ môi trường.



Ngày 15/5/2026, tại Hà Nội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 và Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025. Sự kiện diễn ra sau hơn một năm Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong bối cảnh khu vực tư nhân được xác định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Sau 21 năm triển khai PCI, Báo cáo năm 2025 đánh dấu bước điều chỉnh lớn về phương pháp luận với phiên bản PCI 2.0, đồng thời lần đầu giới thiệu Chỉ số Hiệu quả Kinh tế tư nhân (BPI) nhằm bổ sung góc nhìn về kết quả phát triển thực chất của khu vực tư nhân tại địa phương.

Báo cáo được xây dựng từ khảo sát quy mô lớn với 3.546 doanh nghiệp tư nhân trong nước, 586 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 1.001 hộ kinh doanh trên toàn bộ 34 tỉnh, thành phố. Do thay đổi về đơn vị hành chính và phương pháp đánh giá, PCI 2025 không công bố bảng xếp hạng theo thứ tự như các năm trước, mà phân nhóm chất lượng điều hành. Điểm PCI trung vị toàn quốc đạt 63,90/100; năm địa phương thuộc nhóm chất lượng điều hành “Tốt”, xếp theo thứ tự bảng chữ cái,

gồm Bắc Ninh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Phú Thọ và Quảng Ninh. Đây được xem là nhóm địa phương có cấu trúc điều hành tương đối cân bằng, thay vì chỉ nổi bật ở một chỉ tiêu riêng lẻ.

Một nội dung đáng chú ý trong Báo cáo là dư địa hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) của các địa phương còn rất lớn. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp biết đến các chương trình hỗ trợ tận dụng FTA tại địa phương còn thấp, chỉ khoảng 27%; ngay cả trong nhóm đã biết, khoảng 44% cho rằng việc tiếp cận và thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ vẫn còn khó khăn. Trong bối cảnh doanh nghiệp hội nhập đang gặp nhiều khó khăn từ các biến động địa chính trị và thương mại thế giới, việc để “lãng phí” các chương trình hỗ trợ hội nhập nói chung, và các chương trình hỗ trợ tận dụng các FTA nói riêng như chỉ ra từ Báo cáo là rất đáng tiếc. Do đó, các địa phương cần chú ý đa dạng hơn nữa các kênh thông tin về các chương trình hỗ trợ FTA của địa phương cho doanh nghiệp, mặt khác cần rà soát, chỉnh lý, đơn giản hóa các yêu cầu, thủ tục, điều kiện để doanh nghiệp có thể tham gia thuận lợi hơn vào các chương trình hỗ trợ này.



Ngày 20/4/2026 vừa qua, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã cấp thành công bộ ATA Carnet, hay còn gọi là Sổ tạm quản, đầu tiên cho doanh nghiệp, đánh dấu bước khởi đầu trong việc đưa cơ chế “hộ chiếu hàng hóa” vào thực tiễn thương mại trong nước. Đây là công cụ tạo thuận lợi thương mại theo chuẩn quốc tế, giúp doanh nghiệp đưa hàng hóa tạm thời ra nước ngoài phục vụ hội chợ, triển lãm và sự kiện thương mại mà không phải thực hiện nhiều thủ tục bảo đảm thuế riêng lẻ tại từng thị trường.

ATA Carnet là chứng từ hải quan quốc tế được xây dựng theo cơ chế thiết lập tại Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa. Với cơ chế này, hàng hóa có thể được tạm nhập, tái xuất qua nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia hệ thống ATA mà không phải nộp thuế nhập khẩu hoặc đặt cọc thuế tại từng nước, với điều kiện hàng hóa được tái xuất đúng quy định. Tại Việt Nam, VCCI là cơ quan có thẩm quyền cấp Sổ ATA theo Nghị định 64/2020/NĐ-CP, đồng thời là cơ quan bảo đảm quốc gia của Việt Nam trong Chuỗi bảo lãnh ATA toàn cầu. Trong giai đoạn đầu, Việt Nam triển khai ATA Carnet theo Phụ lục B.1 của Công ước Istanbul, áp dụng cho hàng hóa phục vụ hội chợ, triển lãm và sự kiện thương mại quốc tế.

Sự kiện này là dấu mốc cho một cơ chế tạo thuận lợi thương mại quốc tế hoàn toàn mới đã bắt đầu được vận hành thực tế ở Việt Nam, mang lại những lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp Việt Nam. Trước đây, việc mang hàng mẫu, sản phẩm trưng bày hoặc thiết bị giới thiệu ra nước ngoài của doanh nghiệp thường đi kèm nhiều thủ tục hải quan, chi phí ký quỹ và rủi ro chậm thông quan, khiến không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa e ngại tham gia hội chợ quốc tế. Với việc VCCI bắt đầu cấp được ATA Carnet trên thực tế, doanh nghiệp trong nước đã có thêm một công cụ cụ thể để giảm chi phí thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý và chủ động hơn khi tiếp cận khách hàng, đối tác tại thị trường nước ngoài.

Ở góc độ rộng hơn, thông qua chức năng cấp và bảo đảm Sổ ATA, VCCI không chỉ cung cấp một dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, mà còn góp phần đưa các cam kết tạo thuận lợi thương mại vào đời sống kinh doanh. Điều này giúp doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có điều kiện tham gia sâu hơn vào hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý trong quá trình chuẩn hóa thủ tục tạm quản hàng hóa theo thông lệ quốc tế.

Trong các ngày 7-8/5/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48 và các hội nghị liên quan tại Cebu, Philippines. Với chủ đề “Cùng định hướng tương lai”, hội nghị diễn ra trong bối cảnh khu vực đối mặt với nhiều thách thức đan xen từ cạnh tranh chiến lược, xung đột tại Trung Đông, rủi ro năng lượng - lương thực, biến đổi khí hậu và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Hội nghị đã thông qua một số văn kiện quan trọng, trong đó có Nghị định thư Cebu sửa đổi Hiến chương ASEAN, tạo cơ sở cho việc Timor-Leste hội nhập đầy đủ vào ASEAN. Đây là lần sửa đổi đầu tiên đối với Hiến chương ASEAN kể từ năm 2007, phản ánh bước phát triển về thể chế của khối. Bên cạnh đó, ASEAN cũng thông qua Tuyên bố của các nhà lãnh đạo về hợp tác hàng hải, nhấn mạnh tăng cường phối hợp về an ninh, an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường biển, chống khai thác IUU, duy trì tự do hàng hải và thúc đẩy đàm phán Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) phù hợp với luật pháp quốc tế.

Trước tác động từ tình hình Trung Đông, ASEAN thông qua tuyên bố về các hành động ưu tiên nhằm củng cố khả năng tự cường khu vực, tập trung vào bảo đảm an ninh năng lượng, ổn định chuỗi cung ứng lương thực và hàng hóa thiết yếu, bảo vệ công dân ASEAN và duy trì các tuyến vận tải biển, hàng không. Theo Bộ Ngoại giao Việt Nam, nhiều đề xuất của Việt Nam về hòa bình, ổn định, kết nối kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh con người đã được các nước thành viên đánh giá cao và lồng ghép vào nội dung tuyên bố.

Đối với Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp, kết quả Hội nghị Cấp cao ASEAN 48 có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh thương mại quốc tế biến động nhanh. Việc ASEAN nhấn mạnh tự cường khu vực, ổn định chuỗi cung ứng và kết nối nội khối góp phần tạo nền tảng thuận lợi hơn cho hoạt động thương mại, đầu tư và logistics. Cùng với tiến trình mở rộng ASEAN thông qua việc Timor-Leste chính thức gia nhập, thị trường khu vực gần 700 triệu dân của ASEAN tiếp tục là không gian quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và khai thác sâu hơn các cơ chế hội nhập kinh tế nội khối.



Chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ và Sri Lanka của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm

Từ ngày 5-8/5/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ và Sri Lanka, góp phần tăng cường quan hệ của Việt Nam với khu vực Nam Á. Theo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung, chuyến thăm đạt kết quả toàn diện, thực chất và có ý nghĩa chiến lược dài hạn, với hơn 50 văn kiện hợp tác được ký kết với Ấn Độ và 11 văn kiện với Sri Lanka, mở ra giai đoạn hợp tác sâu rộng, hiệu quả hơn giữa Việt Nam với hai đối tác Nam Á này.

Đối với Ấn Độ, hai bên nhất trí nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường, trên tinh thần “chia sẻ tầm nhìn, hội tụ chiến lược, hợp tác thực chất”. Hai nước đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD vào năm 2030, đồng thời mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực an ninh - quốc phòng, thương mại - đầu tư, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo, văn hóa và giao lưu nhân dân. Việc nâng cấp khuôn khổ quan hệ diễn ra đúng dịp hai nước kỷ niệm 10 năm thiết lập Đối tác Chiến lược Toàn diện, cho thấy mức độ tin cậy chính trị và sự tương đồng lợi ích ngày càng gia tăng.

Đối với Sri Lanka, chuyến thăm đánh dấu bước phát triển mới khi hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác Toàn diện. Hai bên nhất trí mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, nông nghiệp, năng lượng, khoa học - công nghệ, du lịch và giao lưu nhân dân; đồng thời đặt mục tiêu sớm nâng kim ngạch thương mại song phương lên 1 tỷ USD. Đây là định hướng đáng chú ý trong bối cảnh Sri Lanka đang phục hồi kinh tế và có vị trí chiến lược trên các tuyến hàng hải Ấn Độ Dương, trong khi Việt Nam có lợi thế về sản xuất, xuất khẩu và mạng lưới FTA rộng.

Đối với Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp, chuyến thăm có ý nghĩa thiết thực trong việc mở rộng không gian thị trường và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Nam Á, với Ấn Độ là nền kinh tế lớn và thị trường gần 1,5 tỷ dân, còn nhiều dư địa cho hàng hóa Việt Nam trong các lĩnh vực nông sản, thủy sản, dệt may, điện tử, công nghệ, logistics và dịch vụ. Các khuôn khổ hợp tác mới với Ấn Độ và Sri Lanka tạo nền tảng để doanh nghiệp tăng cường kết nối thương mại - đầu tư, khai thác các thị trường mới nổi và giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống trong bối cảnh thương mại toàn cầu tiếp tục biến động.

Chuỗi chuyến thăm Đông Nam Á của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm

Ngày 27/5/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Phu nhân Ngô Phương Ly cùng Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã có chuỗi hoạt động đối ngoại quan trọng tại Đông Nam Á, gồm thăm chính thức Thái Lan từ ngày 27-29/5, thăm cấp Nhà nước tới Singapore và tham dự Đối thoại Shangri-La từ ngày 29-31/5, sau đó thăm cấp Nhà nước tới Philippines từ ngày 31/5-1/6.

Tại Thái Lan, chuyến thăm diễn ra đúng dịp hai nước hướng tới kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và sau khi quan hệ Việt Nam - Thái Lan được nâng cấp lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2025. Một nội dung trọng tâm là thúc đẩy cụ thể hóa khuôn khổ hợp tác mới, trong đó có Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện giai đoạn 2026-2031. Với vị thế là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, Thái Lan tiếp tục là thị trường và mắt xích quan trọng trong hợp tác chuỗi cung ứng, đầu tư, bán lẻ, nông nghiệp và kinh tế xanh.

Tại Singapore, chuyến thăm cấp Nhà nước gắn với việc Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tham dự và phát biểu tại Đối thoại Shangri-La ngày 29/5, diễn đàn an ninh quan trọng hàng đầu khu vực. Về hợp tác song phương, chuyến thăm tiếp tục cụ thể

hóa khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam - Singapore, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo, tài chính, năng lượng sạch và phát triển các khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) thế hệ mới. Tại Philippines, chuyến thăm cấp Nhà nước diễn ra trong bối cảnh hai nước kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, với trọng tâm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư, nông nghiệp, kinh tế biển và kết nối doanh nghiệp.

Đối với Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp, chuỗi chuyến thăm có ý nghĩa thiết thực trong việc củng cố không gian hợp tác kinh tế nội khối ASEAN. Các khuôn khổ hợp tác với Thái Lan, Singapore và Philippines đều gắn trực tiếp với những lĩnh vực doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu mở rộng, từ thương mại hàng hóa, logistics, đầu tư, công nghiệp xanh, chuyển đổi số đến an ninh lương thực và chuỗi cung ứng khu vực. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu nhiều biến động và áp lực từ các thị trường lớn ngoài khu vực gia tăng, việc làm sâu sắc quan hệ với các đối tác ASEAN giúp doanh nghiệp Việt Nam có thêm dư địa đa dạng hóa thị trường, giảm rủi ro phụ thuộc và khai thác tốt hơn thị trường khu vực hơn 700 triệu dân.



CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT DỰ KIẾN TRONG THÁNG 6/2026

1

Hoa Kỳ đề xuất áp thuế bổ sung đối với hàng hóa từ 60 nền kinh tế, trong đó có Việt Nam, liên quan đến lao động cưỡng bức theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974

Ngày 02/6/2026, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) công bố kết luận điều tra và đề xuất biện pháp xử lý đối với 60 quốc gia nằm trong diện điều tra theo Mục 301 Đạo luật Thương mại 1974, liên quan đến việc các nền kinh tế không ban hành và thực thi hiệu quả lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bằng lao động cưỡng bức. Trong danh sách công bố nêu trên, Việt Nam bị cơ quan điều tra phía Hoa Kỳ xác định là một trong các nền kinh tế chịu tác động trực tiếp từ các biện pháp trừng phạt thương mại đề xuất.

Xét trên góc độ phân loại đối tượng, USTR đã xếp Việt Nam vào nhóm 54 nền kinh tế bị kết luận là "không ban hành và không thực thi hiệu quả" lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bằng lao động cưỡng bức. Đây là nhóm bị USTR đánh giá có mức độ thiếu hụt các biện pháp thực tế cao hơn đáng kể so với 06 nền kinh tế chỉ bị kết luận "không thực thi hiệu quả", bao gồm Canada, Ecuador, Liên minh châu Âu, Indonesia, Mexico và Pakistan, vốn đã có lệnh cấm hoặc có cam kết trong Thỏa thuận Thương mại với Hoa Kỳ.

Mặc dù kết luận điều tra ghi nhận lập trường giải trình của phía Việt Nam vào ngày 14/4/2026 về việc đã ban hành và đang triển khai các biện pháp nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xóa bỏ lao động cưỡng bức, phía Hoa Kỳ vẫn khẳng định tại thời điểm hiện tại nước ta chưa thiết lập một

lệnh cấm mang tính pháp lý trực diện đối với hoạt động nhập khẩu mặt hàng này. Trên cơ sở đó, các hành vi, chính sách và thông lệ của Việt Nam bị đối tác xác định là bất hợp lý, gây gánh nặng hoặc hạn chế đối với thương mại Hoa Kỳ, tạo tiền đề pháp lý cho việc áp dụng các chế tài trừng phạt theo quy định tại Mục 301(b) của Đạo luật Thương mại năm 1974.

Về biện pháp đề xuất, USTR đề xuất áp thuế bổ sung theo trị giá đối với toàn bộ sản phẩm của các nền kinh tế bị điều tra, trừ các mặt hàng được loại trừ tại Phụ lục A của thông báo. Cấu trúc thuế trừng phạt được phân định thành 02 bậc: mức thuế suất 10% áp dụng cho các nền kinh tế đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu hàng lao động cưỡng bức (Canada, Ecuador, Liên minh châu Âu, Indonesia, Mexico, Pakistan), đã thiết lập cam kết thông qua một Thỏa thuận về Thương mại có đi có lại (Argentina, Bangladesh, Campuchia, El Salvador, Guatemala, Malaysia, Đài Loan) hoặc đã áp dụng cơ chế kiểm soát bán phần (Vương quốc Anh); mức thuế suất 12,5% áp dụng diện rộng cho tất cả các nền kinh tế còn lại, bao gồm Việt Nam. Đồng thời, phía Hoa Kỳ dự kiến triển khai một cơ chế đặc biệt cho hàng dệt may, theo đó cho phép một khối lượng quần áo và hàng dệt may nhất định được hưởng mức thuế suất Mục 301 ưu đãi dựa trên tỷ lệ khối lượng bông thô và đầu vào sợi dệt nhập khẩu ngược lại từ Hoa Kỳ.



Xét về tính chất pháp lý, toàn bộ các nội dung nêu trên hiện mới dừng lại ở mức độ dự thảo đề xuất trong quy trình lấy ý kiến công khai của Ủy ban Điều 301 và chưa cấu thành quyết định xử lý cuối cùng có hiệu lực thi hành. USTR đã ấn định thời hạn nộp đăng ký phát biểu kèm tóm tắt nội dung là ngày 22/6/2026, hạn nộp ý kiến bằng văn bản là ngày 06/7/2026, trước khi chính thức tổ chức các phiên điều trần công khai vào ngày 07/7/2026. Việc Chính phủ Việt Nam tham gia tích cực vào các phiên tham vấn với phía Hoa Kỳ trước đó cũng như sắp tới cho thấy Việt Nam đang duy trì được không gian đối thoại chiến lược để bày tỏ quan điểm và đề nghị điều chỉnh trước khi các biện pháp thuế của Hoa Kỳ được ban hành chính thức.

Dưới tác động kinh tế vĩ mô, các động thái chính sách mới từ phía Hoa Kỳ đặt cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu trước một tình thế rủi ro thương mại nghiêm trọng. Do Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, việc áp đặt mức thuế bổ sung 12,5% trên diện rộng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh và biên lợi nhuận của các ngành công nghiệp chủ lực bao gồm dệt may, da giày, đồ gỗ, điện tử và thủy sản. Mức độ rủi ro hệ thống càng gia tăng khi báo cáo điều tra của phía đối tác trực tiếp chỉ đích danh hai chuỗi cung ứng cốt lõi có độ nhạy cảm cao là bông thô và polysilicon đầu vào cho công nghệ sản xuất pin năng lượng mặt trời trong phân phân tích về các hành vi lẩn tránh biện pháp kiểm soát trừng phạt. Trước bối cảnh nghiêm trọng đó, công tác rà soát chặt chẽ toàn bộ chuỗi cung ứng và triển khai quy trình truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đầu vào nhằm triệt tiêu hoàn toàn các yếu tố liên quan đến cáo buộc lao động cưỡng bức

đã trở thành một yêu cầu mang tính cấp thiết đối với các doanh nghiệp.

Ở góc độ chính sách, cấu trúc trừng phạt phân bậc của Hoa Kỳ gợi ý một hướng xử lý đáng cân nhắc: do mức 10% được dành cho các nền kinh tế đã thiết lập lệnh cấm nhập khẩu hoặc đã cam kết về vấn đề này thông qua Thỏa thuận Thương mại có đi có lại, việc Việt Nam chủ động nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý cấm nhập khẩu hàng hóa sản xuất bằng lao động cưỡng bức hoặc đưa nội dung này vào chương trình nghị sự đàm phán thương mại song phương sẽ là cơ sở để vận động Hoa Kỳ chuyển nước ta từ nhóm 12,5% xuống nhóm 10%.

Trong ngắn hạn, khoảng thời gian bản lề từ nay đến trước ngày 06/7/2026 là giai đoạn rất quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu chủ động xây dựng, gửi văn bản bình luận, đăng ký tham gia phiên điều trần công khai nhằm vận động phía đối tác mở rộng danh mục hàng hóa loại trừ tại Phụ lục A đối với các mặt hàng xuất khẩu trọng điểm, đồng thời làm rõ các biện pháp phòng, chống lao động cưỡng bức thực tế mà Việt Nam đang nỗ lực triển khai.

Thực hiện chức năng đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục triển khai công tác thu thập, tổng hợp và phân tích các đánh giá tác động thực tế từ hệ thống doanh nghiệp thành viên, tạo cơ sở thực chứng vững chắc để xây dựng dự thảo bản bình luận gửi tới USTR trước thời hạn ngày 06/7/2026. Doanh nghiệp có nhu cầu phản ánh thông tin hoặc cần hỗ trợ liên quan đến vụ việc có thể liên hệ với VCCI để được phối hợp tổng hợp và chuyển tải kịp thời tới USTR.



Trung Quốc siết quy định đăng ký doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm theo Lệnh 280

Từ ngày 01/6/2026, Lệnh 280 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Trung Quốc chính thức có hiệu lực, thay thế Lệnh 248 trước đây. Quy định mới được Hải quan Trung Quốc ban hành ngày 14/10/2025, gồm 4 chương, 33 điều, nhằm tăng cường quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu theo hướng dựa nhiều hơn vào đánh giá rủi ro. Trước thời điểm quy định có hiệu lực, các cơ quan chức năng Việt Nam đã liên tục cập nhật, phổ biến thông tin để doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thực phẩm chuẩn bị tuân thủ.

Về cơ bản, Lệnh 280 tiếp tục duy trì cơ chế đăng ký doanh nghiệp trên CIFER (Hệ thống đăng ký quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu - China Import Food Enterprise Registration), nhưng bổ sung một số thay đổi đáng chú ý. Hải quan Trung Quốc có thể xác định phương thức đăng ký, hồ sơ, quy trình xem xét và yêu cầu quản lý tương ứng trên cơ sở đánh giá hệ thống an toàn thực phẩm của nước xuất khẩu, mức độ rủi ro của sản phẩm, lịch sử tuân thủ và thông lệ quốc tế. Theo Thông báo số 27 ngày 18/3/2026 của Hải quan Trung Quốc, các danh mục và phạm vi quản lý được cập nhật linh hoạt; một số nhóm hàng như thịt và sản phẩm từ thịt, tổ yến và sản phẩm từ tổ yến không được áp dụng cơ chế gia hạn tự động. Doanh nghiệp cũng cần khai báo chính xác mã đăng ký, mã HS, mục

đích sử dụng và tình trạng hiệu lực của hồ sơ khi làm thủ tục nhập khẩu vào Trung Quốc.

Đối với Việt Nam, việc bảo đảm tuân thủ quy định này có ý nghĩa lớn bởi Trung Quốc là một trong những thị trường xuất khẩu nông sản, thực phẩm quan trọng nhất. Doanh nghiệp cần rà soát lại tình trạng đăng ký, mã số xuất khẩu, danh mục sản phẩm và mức độ đáp ứng các yêu cầu về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm để tránh gián đoạn sau mốc ngày 01/6/2026. Riêng với các sản phẩm thuộc diện cần cơ quan có thẩm quyền giới thiệu, việc xem xét hồ sơ sẽ gắn với mức độ rủi ro an toàn thực phẩm, tỷ lệ lô hàng không đạt yêu cầu, lịch sử sự cố và năng lực quản lý của doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý nước xuất khẩu.

Nhìn rộng hơn, Lệnh 280 cho thấy Trung Quốc đang nâng chuẩn quản lý an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc theo hướng tương tự các thị trường nhập khẩu lớn khác. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, tuân thủ không còn là yêu cầu phát sinh theo từng lô hàng, mà trở thành điều kiện thường trực để duy trì thị phần. Việc chủ động cập nhật quy định, hoàn thiện hồ sơ trên CIFER, kiểm soát chất lượng sản phẩm và phối hợp chặt với cơ quan chức năng sẽ là yếu tố quyết định để hoạt động xuất khẩu nông sản, thực phẩm sang Trung Quốc không bị gián đoạn trong giai đoạn chuyển tiếp.



Văn phòng SPS Việt Nam đã dịch và phổ biến “Sổ tay hướng dẫn sử dụng Hệ thống đăng ký quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu” của Hải quan Trung Quốc; tài liệu này cũng được đăng tải trên website của Phòng WTO và Hội nhập, Ban Pháp chế - VCCI để doanh nghiệp thuận tiện tra cứu (Link: <https://trungtamwto.vn/an-pham/32533-tai-lieu-so-tay-huong-dan-su-dung-he-thong-quan-ly-dang-ky-doi-voi-co-so-san-xuat-thuc-pham-nhap-khau-nuoc-ngoai-cua-tong-cuc-hai-quan-trung-qu>).

Sổ tay hướng dẫn các thao tác thực tế trên hệ thống CIFER như tạo và quản lý tài khoản, đăng ký mới, sửa đổi, gia hạn, hủy đăng ký và theo dõi tình trạng hồ sơ. Việc có thêm kênh thông tin bằng tiếng Việt giúp doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm bớt khó khăn khi tiếp cận quy định kỹ thuật của Trung Quốc và hạn chế rủi ro sai sót trong quá trình khai báo.

3

Dự kiến kết thúc đàm phán FTA Việt Nam - EFTA trong tháng 6/2026

Việt Nam và Khối Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu (EFTA), gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein, đang nỗ lực hướng tới mục tiêu tuyên bố kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA vào cuối tháng 6/2026, bên lề Hội nghị Bộ trưởng các nước EFTA tại Iceland. Tiến trình đàm phán FTA Việt Nam - EFTA được khởi động từ tháng 5/2012 và đến nay đã trải qua 20 vòng đàm phán chính thức cùng nhiều phiên trao đổi kỹ thuật giữa kỳ.

Động lực hoàn tất Hiệp định được thúc đẩy mạnh trong nửa đầu năm 2026. Tại vòng đàm phán thứ 20 diễn ra tại Hà Nội từ ngày 20-24/4/2026, hai bên ghi nhận tiến triển đáng kể ở nhiều lĩnh vực, trong đó có quy tắc xuất xứ, thương mại dịch vụ, đầu tư, thương mại và phát triển bền vững, SPS và TBT. Tuy nhiên, một số vấn đề vẫn cần tiếp tục xử lý ở cấp kỹ thuật và chính trị, bao gồm thương mại hàng hóa, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ và các nội dung pháp lý

- thể chế. Vì vậy, mục tiêu kết thúc đàm phán trong tháng 6/2026 là định hướng chính trị quan trọng, song vẫn phụ thuộc vào khả năng thu hẹp các khác biệt còn lại giữa hai bên.

Đối với Việt Nam, FTA với EFTA nếu được ký kết và thực thi sẽ bổ sung một mảnh ghép quan trọng trong mạng lưới FTA với châu Âu, bên cạnh EVFTA và UKVFTA. EFTA là nhóm nền kinh tế có thu nhập cao, thể mạnh về tài chính, công nghệ, được phẩm, hàng hải, năng lượng sạch và đầu tư chất lượng cao. Năm 2025, kim ngạch thương mại hàng hóa giữa EFTA và Việt Nam đạt khoảng 4,8 tỷ EUR, cho thấy dư địa hợp tác còn đáng kể nếu các rào cản thuế quan, quy tắc xuất xứ và tiếp cận thị trường được xử lý trong khuôn khổ FTA mới.



Đối với cộng đồng doanh nghiệp, một FTA với Khối EFTA sẽ mở ra thêm cơ hội đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, cũng như thu hút đầu tư và tiếp cận công nghệ từ các nền kinh tế phát triển của châu Âu. Các nhóm hàng như dệt may, da giày, nông sản, thủy sản, đồ gỗ, điện tử và sản phẩm công nghiệp chế biến cũng được kỳ vọng có thể được

hưởng lợi lớn nếu Hiệp định có các cam kết ưu đãi thuế quan cao và quy tắc xuất xứ phù hợp. Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng cần chuẩn bị cho các tiêu chuẩn cao về chất lượng, bền vững, sở hữu trí tuệ, mua sắm công và minh bạch chuỗi cung ứng - những lĩnh vực thường là điểm mạnh trong cách tiếp cận đàm phán của Khối EFTA.

4

Diễn đàn Tương lai ASEAN 2026 dự kiến tổ chức tại Hà Nội

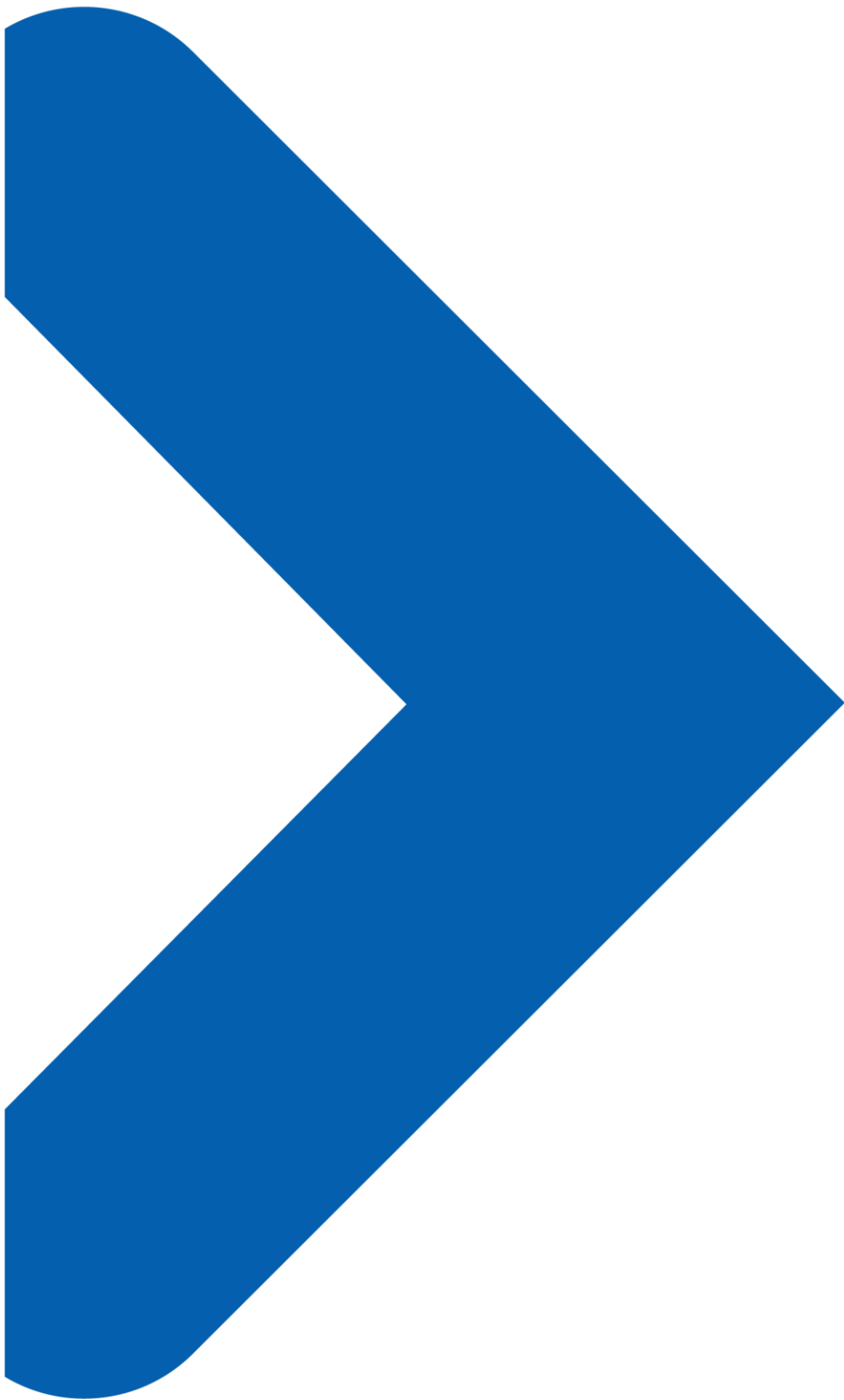
Diễn đàn Tương lai ASEAN 2026 (ASEAN Future Forum - AFF 2026) dự kiến diễn ra trong hai ngày 9-10/6/2026 tại Hà Nội, với chủ đề “Cùng định hình tương lai chung: Hòa bình, Thịnh vượng, lấy Người dân làm trung tâm”. Đây là sự kiện đối ngoại đa phương cấp cao đáng chú ý do Việt Nam chủ trì tổ chức trong năm 2026.

Diễn đàn Tương lai ASEAN là sáng kiến của Việt Nam, được đề xuất tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 43 ở Indonesia năm 2023 và đã được tổ chức trong các năm 2024, 2025. AFF được định vị là một nền tảng đối thoại mở, hỗ trợ cho các tiến trình chính thức của ASEAN, nơi lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách, học giả, doanh nghiệp, thanh niên và các tổ chức xã hội cùng trao đổi về định hướng phát triển của khu vực. Năm 2026, Diễn đàn có quy mô mở rộng hơn với hơn 20 hoạt động, trong đó có đối thoại giữa các chính đảng Đông Nam Á, hội nghị lãnh đạo các thành phố ASEAN, bàn tròn tiểu vùng Mekong, hội nghị thanh niên Đông Nam Á và thảo luận về quản trị trí tuệ nhân tạo.

Các phiên chính của AFF 2026 dự kiến tập trung vào những vấn đề gắn trực tiếp với khả

năng thích ứng của ASEAN trong giai đoạn mới, như tự cường và đoàn kết khu vực, phòng ngừa xung đột, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, an ninh năng lượng và mô hình phát triển. Việc đặt trọng tâm vào “lấy người dân làm trung tâm” cho thấy Việt Nam mong muốn thúc đẩy cách tiếp cận phát triển bao trùm hơn, trong đó tăng trưởng, công nghệ và an ninh khu vực cần gắn với lợi ích thực chất của người dân và doanh nghiệp.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, AFF 2026 là cơ hội để theo dõi sớm các định hướng chính sách mới của ASEAN trong các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến môi trường kinh doanh, từ chuyển đổi số, năng lượng, hạ tầng đô thị đến chuỗi cung ứng và phát triển bền vững. Việc Diễn đàn mở rộng sự tham gia của giới doanh nghiệp và học giả giúp tạo thêm kênh trao đổi chính sách ngoài các cơ chế chính thức, qua đó hỗ trợ nhận diện xu hướng hợp tác mới trong khu vực. Trong bối cảnh ASEAN triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045, những thảo luận tại AFF có thể góp phần định hình thêm không gian hợp tác cho doanh nghiệp Việt Nam trong thị trường khu vực hơn 700 triệu dân.



**PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)**

Số 9 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội

Tel: +84-24-35771458/ +84-24-32216234

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn / www.chongbanphagia.vn / www.aecvcci.vn